

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NG
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 07 – 5 – 2025

V/v “Tranh chấp xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NG, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Tươi.

Ông Trần Thanh Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ân Tình - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ng, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025 về “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Tô Văn H, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Tắc Biền, xã Viên An Đông, huyện Ng, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Tắc Biền, xã Viên An Đông, huyện Ng, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 02 năm 2025 nguyên đơn anh Tô Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Tôi kết hôn với vợ tôi là Trịnh Thị T được 24 năm, có làm đám theo phong tục truyền thống và có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Viên An Đông, huyện Ng, tỉnh Cà Mau, đăng ký vào ngày 17 tháng 7 năm 2006. Trong quá trình chung sống vợ chồng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống và cãi nhau rất nhiều lần dẫn đến trong hôn nhân không đạt hạnh phúc, làm mất đi tình nghĩa vợ chồng.

Nay bản thân tôi cảm thấy tình nghĩa vợ chồng không còn nữa, không thể gắn kết để chung sống với nhau nữa nên tôi làm đơn này kính đến Toà án nhân dân huyện Ng xin khởi kiện ly hôn với vợ tôi bà Trịnh Thị T.

Về phần con: Tôi và chị T có 03 người con chung tên: Tô H Đăng, sinh năm 2000; Tô Thị My, sinh năm 2002 và Tô Đăng Khoa, sinh năm 2008.

Hiện nay các con đang sống với tôi. Đối với Đăng và My đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với Tô Đăng Khoa chưa thành niên, sau khi ly hôn tôi đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng, tôi không yêu cầu bà T pH cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ thu, nợ trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trịnh Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng chị T vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Tô Văn H khởi kiện xin ly hôn với chị Trịnh Thị T, địa chỉ: ấp Tắc Biển, xã Viên An Đông, huyện Ng, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ng, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Chị Trịnh Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tuy nhiên chị T vắng mặt không có lý do. Đối với anh H có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh H tại phiên tòa.

[2] Về hôn nhân: Anh Tô Văn H và chị Trịnh Thị T tự nguyện chung sống vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Viên An Đông, huyện Ng, tỉnh Cà Mau, đăng ký vào ngày 17 tháng 7 năm 2006, do đó hôn nhân giữa anh H và chị T là hợp pháp. Anh H trình bày trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tình cảm, gia đình hai bên đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, nên anh H yêu cầu được ly hôn với chị T. Chị T đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc anh H xin ly hôn, tuy nhiên chị T vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản hồi. Mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa anh H và chị T là thực tế có xảy ra. Mặt khác, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến ngày xét xử anh H và chị T vẫn không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng lại với nhau. Xét thấy, hôn nhân của anh H và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Tô Văn H đối với chị Trịnh Thị T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh H và chị T có 03 người con chung tên: Tô H Đăng, sinh năm 2000; Tô Thị My, sinh năm 2002 và Tô Đăng Khoa, sinh năm 2008.

Hiện nay các con đang sống với anh H. Đối với cháu Đăng và My đã trưởng thành nên không yêu cầu, đối với Tô Đăng Khoa chưa thành niên, sau khi ly hôn anh H đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng, anh H không yêu cầu chị T pH cấp dưỡng nuôi con.

Theo lời trình bày và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thấy rằng điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo cuộc sống cháu Khoa thì anh H có đủ điều kiện. Xét thấy, cháu Khoa đã sống chung với anh H từ nhỏ, ổn định cuộc sống, tinh thần. Đồng thời phù hợp với đơn ngày 26/4/2025 của cháu Khoa có nguyện vọng được sống với anh H. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục giao con cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với chị T là mẹ của cháu Khoa vẫn có quyền được thăm nom con mà không ai được phép ngăn cản.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H và chị T không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình: Căn cứ tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, thì anh H pH nộp 300.000 đồng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu anh Tô Văn H được ly hôn với chị Trịnh Thị T.

2. Về con chung: Giao cho anh Tô Văn H được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc Tô Đăng Khoa, sinh năm 2008.

Chị Trịnh Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh H pH chịu án phí số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), anh H có dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0015343 ngày 17/02/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ng được chuyển thu.

Án xử sơ thẩm công khai, anh H và chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật

Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Ng;
- CC THADS huyện Ng;
- UBND xã Viên An Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Minh Tính